

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 86/2020/DS-ST

Ngày: 11/11/2020.

“V/v tranh chấp về hợp đồng
dân sự bảo lãnh”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Huế.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Hải.

Ông Nguyễn Đình Đoàn Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vũ Hải - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh.

Trong các ngày 04/11, 6/11 và ngày 11/11/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 386/2019/TLST-DS ngày 16 tháng 8 năm 2019 về việc “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự bảo lãnh*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 327/2020/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 9 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 212/2020/QĐST-DS ngày 13 tháng 10 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Hà Văn B, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Số nhà 2, ấp An B, xã Định Y, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Nguyễn Văn Ch, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Tổ 14, ấp Hòa L, xã Hòa A, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Trần Quang T, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Số nhà 73, ấp Tân Ph, xã Tân Ph, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của anh T là: Bà Ngô Thị Kim X, sinh năm 1960;
Địa chỉ: Số 33, đường Lê Văn T, tổ 3, khóm 3, phường 1, thành phố Cao Lãnh,

tỉnh Đồng Tháp. Là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 21/11/2019).

2. Nguyễn Thị Bích H, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Tổ 14, ấp Hòa L, xã Hòa A, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Người làm chứng:

1. Phạm Thanh L, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Số nhà 77, ấp Tân Ph, xã Tân Ph, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

2. Lê Thị Trúc L, sinh năm 1982.

HKTT: Khu vực 2, phường 4, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

Địa chỉ liên hệ: Xã Long Th, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

3. Hà Văn M, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Số nhà 2, ấp An B, xã Định Y, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

(Anh Hà Văn B, ông Nguyễn Văn Ch, bà Ngô Thị Kim X, anh Hà Văn M và chị Lê Thị Trúc L có mặt tại phiên tòa; Chị Nguyễn Thị Bích H và ông Phạm Thanh L vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17/7/2019, tại phiên hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn Hà Văn B trình bày:

Vào ngày 12/12/2016, do chỗ quen biết bạn bè với nhau thì anh T và chị H có vay của anh B số tiền 210.000.000 đồng (hai trăm mười triệu đồng), lãi suất 1.66%/tháng với điều kiện mỗi tháng đều đóng lãi với số tiền là 3.500.000 đồng, có biên nhận nợ. Anh T vay tiền để buôn bán quýt, anh B đưa tiền cho chị H và anh T tại quán cà phê thuộc xã Tân Th, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Trước khi chị H và anh T ký giấy mượn tiền ngày 12/12/2016 thì ba ruột của chị H là ông Nguyễn Văn Ch đứng ra bảo lãnh cho chị H và anh T vay tiền, ông Ch có ký giấy bảo đảm ngày 12/12/2016 và ông Ch là người thỏa thuận thời hạn trả đến tháng 5/2018 trả số tiền 50.000.000 đồng và đến tháng 5/2019 trả số tiền 160.000.000 đồng còn lại theo như giấy đảm bảo ngày 12/12/2016. Ông Ch ký giấy bảo đảm ngày 12/12/2016 tại quán cà phê gần cầu Lai V, thuộc huyện Lai V, tỉnh Đồng Tháp. Tại thời điểm ký giấy bảo đảm có mặt anh T, ông Ch, anh B, Trúc L, M và ông Phạm Văn L cùng ngồi chung một bàn. Sau khi anh B viết xong giấy bảo đảm ngày 12/12/2016 thì anh B và ông L là người đọc lại biên bản cho ông Ch nghe nên ông Ch đồng ý ký tên và lấn tay vào giấy bảo

đảm. Tại thời điểm, ký giấy bảo đảm thì anh B không biết ông Ch là người không biết chữ nhưng do anh B làm ăn nhiều nên cho ông Ch ký tên và lấn tay vào giấy bảo đảm ngày 12/12/2016. Việc ông L đi cùng với anh T và ông Ch là do anh T và ông Ch gọi ông L đi cùng do ông L là người biết chữ nên anh T và ông Ch nói đi cùng để đọc biên bản. Khi ông Ch và anh T ký tên vào giấy bảo đảm thì có mặt Hà Văn M, Lê Thị Trúc L và ông L nhưng anh B không cho chị L và anh M ký tên vào giấy bảo đảm đến tháng 9/2019 mới cho ký tên vào giấy bảo đảm.

Sau khi ông Ch ký tên vào giấy bảo đảm thì khoảng 01 tiếng sau tại quán cà phê tên Diễm Hẹn thuộc xã Tân Th, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp thì chị H và anh T ký tên vào giấy mượn tiền ngày 12/12/2016 và anh B giao tiền cho chị H và anh T. Đối với giấy bảo đảm ngày 12/12/2016 chị H không có ký tên là do anh B bỏ trong cốp xe để ở nhà nên không đưa cho chị H ký tên vào giấy bảo đảm ngày 12/12/2016.

Từ khi vay, anh T và chị H chỉ đóng lãi được 5 tháng với số tiền 17.500.000 đồng, kể từ ngày 12/5/2017 thì anh T và chị H không đóng lãi nữa. Anh B có đến nhà anh T và chị H để thu tiền lãi nhưng không gặp anh T và chị H, anh B có điện thoại cho anh T và chị H thì anh T và chị H trả lời không đóng lãi nữa.

Nay anh B yêu cầu ông Nguyễn Văn Ch là người đứng bảo lãnh trả số tiền vốn là 210.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 12/5/2017 đến 6/11/2020, lãi suất 1.66%/tháng với tiền lãi là 146.000.000 đồng. Tổng gốc và lãi là 356.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi phát cho đến khi trả xong nợ.

Anh B không đồng ý theo yêu cầu của ông Ch yêu cầu hủy giấy bảo đảm ngày 12/12/2016.

- Tại phiên hòa giải và tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Văn Ch trình bày: Ông Ch có diện tích đất khoảng 2.000m² tọa lạc tại ấp Hòa L, xã Hòa An, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Ông Ch sử dụng phần diện tích đất trên để trồng xoài.

Đề tận dụng hết phần diện tích đất trên khoảng tháng 12/2016, lợi dụng việc ông Ch không biết chữ Trần Quang T và một người đàn ông đến gặp ông Ch. Anh T nói với ông Ch trong quá trình trồng quýt tránh sau này con trai ông Ch là Nguyễn Hoàng Phi H tranh chấp với anh T, làm mất tình cảm gia đình nên đề nghị ông Ch ký tên vào tờ giấy xác nhận ông Ch có cho anh T mượn đất

trông quýt. Ông Ch thấy T nói hợp lý nên T có ký tên vào tờ giấy viết sẵn và đề nghị ông Ch lăn tay làm dấu.

Ông Ch không biết tờ giấy anh T đưa cho ông Ch ký là giấy bảo đảm trả nợ thay cho anh T và con gái ông Ch là Nguyễn Thị Bích H. Vì ông Ch không biết chữ và tin lời anh T nên đã viết tên và lăn tay vào giấy bảo đảm ngày 12/12/2016.

Ông Ch xác định không có vay tiền của anh B và cũng không đứng ra bảo lãnh trả nợ thay cho con rể là Trần Quang T và con gái là Nguyễn Thị Bích H.

Khi ông Ch ký tên vào giấy bảo đảm ngày 12/12/2016 thì có mặt ông Ch, anh T và anh B, khi đó 03 người ngồi tại quán cà phê thuộc huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp. Do T nói đây là giấy bảo đảm để cho trông quýt nên ông Ch đã đồng ý viết tên và lăn tay, không có ai đọc lại cho ông Ch nghe giấy bảo đảm ngày 12/12/2016 nên ông Ch không biết đó là giấy bảo đảm để trả nợ thay cho T và H.

Nay ông Ch không đồng ý trả số tiền vốn và lãi là 356.000.000 đồng cho anh B. Đồng thời, ông Ch yêu cầu hủy giấy bảo đảm ngày 12/12/2016 vì ông Ch cho rằng anh B đã lừa dối ông.

- Tại phiên hòa giải và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Quang T (Có bà Ngô Thị Kim X đại diện theo ủy quyền) trình bày: Vào khoảng tháng 9/2019, do cần vốn làm ăn nên anh T có vay số tiền 200.000.000 đồng của anh B nhưng không ghi biên nhận.

Đến tháng 12/2019, do anh T làm ăn thua lỗ nên không có tiền trả cho anh B, anh B đã giữ chiếc xe Vision để trừ vào tiền gốc và lãi, anh T có nói cho anh B biết ba vợ là ông Nguyễn Văn Ch có cho trông quýt ở trên đất của ông Ch nên anh B đã nói với anh T kêu ông Ch đến quán cà phê gần cầu Lai Vung. Tại quán cà phê, có mặt anh T, ông Ch và anh B thì anh B có hỏi ông Ch có phải ông Ch cho trông quýt tại đất của ông Ch không. Tại quán cà phê anh B nói viết giấy để cam kết cho anh T trông quýt thì anh B mới trả lại chiếc xe Vision cho anh T, anh B viết giấy xong thì cho anh T và ông Ch ký tên vào tờ giấy, không có ai đọc lại cho anh T và ông Ch nghe.

Việc anh T vay tiền thì chị H không biết, biên nhận ghi ngày 12/12/2016 số tiền 210.000.000 đồng trong đó có số tiền gốc 200.000.000 đồng và tiền lãi 10.000.000 đồng, anh B đã ghi thành số tiền gốc 210.000.000 đồng.

Từ khi vay đến nay anh T đã trả lãi cho anh B được số tiền 27.000.000

đồng nhưng không có tài liệu chứng cứ chứng minh.

Đối với khoản tiền vay của anh B, anh T xin một mình chịu trách nhiệm trả nợ, anh T xin được trả dần số tiền 210.000.000 đồng. Anh T đồng ý trả cho anh B số tiền nợ gốc là 210.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của nhà nước, không đồng ý ông Ch bảo lãnh trả số nợ này cho anh B vì ông Ch không phải là người đứng ra bảo lãnh trả số tiền nợ cho anh T.

- Tại phiên hòa giải ngày 11/02/2020 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Bích H trình bày: Anh T có sử dụng vốn của chị H để mua bán quýt với người bạn của anh B nhưng đến nay anh T không đưa một khoản tiền lời nào từ việc mua bán quýt. Việc anh T vay tiền của anh B số tiền 210.000.000 đồng chị H không biết, chị H chỉ biết anh T có nhờ ông Ch ký giấy xác nhận là ông Ch có cho anh T mượn đất để trồng quýt để anh B trả xe cho anh T, do anh B đang giữ xe của anh T. Ngoài ra, chị H không biết gì.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Lãnh:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự; người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung:

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Hà Văn B về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn Ch là người bảo lãnh trả nợ.

Đối với yêu cầu của bị đơn Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bị đơn Nguyễn Văn Ch về yêu cầu tuyên bố giao dịch dân sự là giấy bảo đảm lập ngày 12/12/2016 vô hiệu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hợp đồng dân sự bảo lãnh. Bị đơn ông Nguyễn Văn Ch có địa chỉ tại tổ 14, ấp Hòa L, xã Hòa A, thành phố Cao Lãnh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh

Đồng Tháp theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Bích H vắng mặt và người làm chứng ông Phạm Thanh L vắng mặt. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho chị Nguyễn Thị Bích H và ông Phạm Thanh L nhưng chị H và ông L vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 227 và khoản 2 Điều 229 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Bích H và người làm chứng là ông Phạm Thanh L là đúng theo quy định của pháp luật.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Vào ngày 12/12/2016, anh B có cho anh T và chị H vay số tiền 210.000.000 đồng, lãi suất 1.66%/tháng. Trước khi anh B cho chị H và anh T vay tiền các bên có thỏa thuận cho ba của chị H là ông Nguyễn Văn Ch đứng ra bảo lãnh thì anh B mới cho anh T và chị H vay tiền.

Vào ngày 12/12/2016, ông Ch có ký tên và lặn tay vào giấy bảo đảm và ông Ch hứa tháng 5/2018 sẽ trả số tiền 50.000.000 đồng và tháng 5/2019 sẽ trả 160.000.000 đồng số tiền còn lại theo như giấy bảo đảm ngày 12/12/2016 đã ghi. Từ khi vay đến nay anh T và chị H đóng lãi được 5 tháng với số tiền 27.000.000 đồng. Nay anh B yêu cầu ông Ch là người đứng ra bảo lãnh trả số tiền gốc là 210.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 12/5/2017 đến ngày 06/11/2020 số tiền là 146.000.000 đồng. Tổng gốc và lãi là 356.000.000 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy, theo lời trình bày của anh B thì trước khi cho chị H và anh T vay tiền giữa anh T, chị H và anh B có thỏa thuận cho ông Ch là ba của chị H đứng ra bảo lãnh nên ngày 12/12/2016 tại quán cà phê gần Cầu Lai Vung, anh B là người viết giấy bảo đảm với nội dung thể hiện ông Ch đứng ra bảo đảm cho anh T và chị H vay tiền của B số tiền 210.000.000 đồng và ông Ch hứa đến tháng 5/2018 sẽ trả số tiền 50.000.000 đồng và tháng 5/2019 sẽ trả 160.000.000 đồng số tiền còn lại. Nếu anh T và chị H không thực hiện đúng theo thỏa thuận thì ông Ch sẽ đứng ra trả nợ cho anh T và chị H. Tại quán cà phê anh B là người viết giấy bảo đảm, sau khi viết xong thì anh B thừa nhận không đưa giấy bảo đảm cho ông Ch và anh T đọc lại mà lại đưa cho ông L đọc và anh B có đọc lại cho anh T và ông Ch cùng nghe. Nhưng theo nội dung ghi trong giấy bảo đảm ngày 12/12/2016 lại thể hiện “hai bên đã đọc”. Đồng thời,

anh B cho rằng giữa chị H và anh T thỏa thuận để cho ba chị H là ông Ch bảo lãnh nhưng khi ký giấy bảo lãnh lại không có mặt chị H và chị H cũng không ký tên vào giấy bảo đảm là không có đủ cơ sở chứng minh chị H và anh T thỏa thuận để cho ông Ch đứng ra bảo lãnh. Mặt khác, anh B thừa nhận, sau khi ông Ch và anh T ký giấy bảo đảm thì anh B không có giao tiền trước mặt ông Ch và anh T mà cách khoảng 01 tiếng sau anh B cho chị H, anh T ký tên vào giấy mượn tiền và giao tiền cho chị H và anh T tại một địa điểm khác.

Bên cạnh đó, tại biên bản hòa giải ngày 11/9/20120 anh B khai: “Anh B biết ông Ch và anh T là người ít chữ nên có kêu ông L đến đọc biên bản” nhưng tại phiên tòa anh B khai: “Anh B không biết ông Ch và anh T là người ít còn ông L là do T và ông Ch kêu đến để đọc biên bản do ông L là người biết chữ”. Như vậy, lời khai của anh B có sự mâu thuẫn với nhau.

Mặt khác, anh B khai tại thời điểm ông Ch và anh T ký tên giấy bảo đảm có người làm chứng là Hà Văn M, Lê Thị Trúc L và ông Phạm Thanh L cùng ngồi chung bàn với anh B, ông Ch và anh T chứng kiến việc ông Ch là người đứng ra bảo lãnh cho anh T và chị H vay tiền nhưng giấy bảo đảm ngày 12/12/2016 anh B nộp kèm theo đơn khởi kiện không thể hiện có người làm chứng là anh Hà Văn M và chị Lê Thị Trúc L ký tên vào giấy bảo đảm.

Theo lời khai của anh M và chị Trúc L khai vào tháng 11/2019 anh M và chị L mới ký tên là người làm chứng vào giấy bảo đảm ngày 12/12/2016. Đồng thời, tại biên bản lấy lời khai ngày 18/11/2019 chị Trúc L khai: “Tại thời điểm ông Ch ký tên đứng ra bảo lãnh trả nợ thay cho anh T và chị H thì có anh B, anh T và ông Ch ngồi trên bàn còn ông chú T không biết họ tên gì thì nằm trên võng, chị L ngồi uống cà phê một mình sau đó có em của anh B là Hà Văn M sang nằm võng sát bàn chị L, chị L thừa nhận do anh B nhờ làm chứng nên ký tên vào giấy bảo đảm ngày 12/12/2016 vào ngày 12/11/2019”. Theo lời khai của anh M khai: “Anh M chỉ chở anh B đến quán cà phê rồi đi uống cà phê tại quán khác, không có ngồi chung uống cà phê với chị Trúc L còn việc ông Ch có đứng ra bảo lãnh cho anh T và chị H vay tiền hay không thì anh M không biết chỉ nghe anh B nói cho anh M biết” nhưng tại phiên tòa anh M khai: “Tại thời điểm ông Ch ký giấy bảo lãnh trả nợ cho chị H và anh T thì anh M ngồi uống cà phê chung với chị L”. Như vậy, lời khai của hai người làm chứng là anh Hà Văn M và chị Lê Thị Trúc L và anh B là có sự mâu thuẫn với nhau nên không có cơ sở chứng minh chị Trúc L và anh M có chứng kiến việc ông Ch đứng ra bảo lãnh

trả nợ thay cho anh T và chị H. Đối với người làm chứng ông Phạm Thanh L khai: Ông L không biết việc ông Ch đứng ra bảo lãnh cho anh T, chị H vay tiền của anh B, ông L chỉ nhớ có một lần anh T rủ đi uống cà phê, khi đến quán ông L nằm trên võng thấy ông Ch, anh B và anh T ngồi chung bàn uống cà phê còn bàn bạc chuyện gì thì ông L không biết. Như vậy, lời khai giữa những người làm chứng là ông L, anh M và chị Trúc L có sự mâu thuẫn nhau.

Vì vậy, từ những nhận định nêu trên yêu cầu của anh B là không có cơ sở chứng minh ông Ch là người đứng ra bảo lãnh trả nợ cho anh T và chị H nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của anh B.

[3] Xét yêu cầu của bị đơn: Đối với giấy bảo đảm ngày 12/12/2016, ông Ch cho rằng anh T nói ông Ch ký giấy bảo đảm cho anh T trông quýt tại vườn xoài của ông Ch để tránh sau này con trai ông Ch là Nguyễn Hoàng Phi H tranh chấp. Ông Ch nghe hợp lý và tin tưởng anh T và do không biết chữ nên ông Ch bị anh T và anh B lừa dối yêu cầu ký tên và điểm chỉ nhưng ông Ch không biết đó là giấy bảo đảm để ông Ch đứng ra bảo lãnh trả nợ cho anh T và chị H và cũng không có ai đọc lại cho ông Ch nên ông Ch yêu cầu Tòa án tuyên bố Giấy bảo đảm ngày 12/12/2016 là vô hiệu.

Hội đồng xét xử xét thấy, giấy bảo đảm lập ngày 12/12/2016, anh B thừa nhận là người viết giấy bảo đảm, sau khi viết xong thì anh B và ông L là người đọc lại cho anh T và ông Ch nghe. Theo lời trình bày của anh B thì tại thời điểm, anh T và ông Ch ký giấy bảo đảm có mặt người làm chứng là anh M, chị Trúc L và ông L cùng ngồi bàn với anh T, ông Ch và anh B nhưng theo lời khai của chị Trúc L khai chị L ngồi ở bàn bên cạnh của anh B. Như vậy, lời khai của anh B và chị Trúc L có sự mâu thuẫn với nhau.

Mặt khác, theo lời trình bày của anh B thì sau khi ông Ch và anh T ký giấy bảo đảm thì anh B giao tiền cho chị H và anh T tại một địa điểm khác, anh B không giao tiền trước mặt của ông Ch. Anh B thừa nhận anh B không đưa giấy bảo đảm cho anh T và ông Ch đọc lại mà đưa cho ông L đọc lại nhưng theo lời khai của ông L thì ông L không biết việc ông Ch đứng bảo lãnh cho chị H, anh T vay tiền và tại quán cà phê ông L nhìn thấy anh B, ông Ch và anh T ngồi chung bàn. Lời khai của ông L phù hợp với lời của anh T, theo lời khai của anh T khai: “Tôi không biết chữ và cũng không có ai đọc lại cho tôi nghe, sau đó tôi hỏi anh B giấy này là giấy gì, anh B trả lời đây là giấy ông Ch cho trông quýt”.

Đồng thời, theo lời khai của 03 người làm chứng là ông Phạm Thanh L

khai ông có đến quán cà phê nhưng không biết giữa anh T, ông Ch, anh B nói chuyện gì, chị Lê Thị Trúc L khai ngồi uống cà phê cùng với anh M còn anh Hà Văn M khai không có uống cà phê chung với chị L nhưng tại phiên tòa anh M thay đổi lời khai, anh M khai có ngồi uống cà phê chung với chị Trúc L. Như vậy, lời khai giữa anh B, anh T, chị Trúc L, anh M và ông L thì các lời khai có sự mâu thuẫn với nhau. Như vậy, không có cơ sở xác định ông Ch đã ký tên là để bảo lãnh trả nợ cho anh T và chị H. Do đó, ông Ch yêu cầu tuyên bố giao dịch dân sự là giấy bảo đảm lập ngày 12/12/2016 là vô hiệu do bị lừa dối là có cơ sở và phù hợp theo quy định tại Điều 132 Bộ luật dân sự năm 2005.

[4] Đối với hậu quả của việc tuyên bố giao dịch vô hiệu ông Ch không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Đối với ý kiến của anh Trần Quang T (có bà Ngô Thị Kim X là người đại diện theo ủy quyền) trình bày: Vào khoảng tháng 9/2019, do cần vốn làm ăn nên anh T có vay số tiền 200.000.000 đồng của anh B nhưng không ghi biên nhận.

Đến tháng 12/2019, do anh T làm ăn thua lỗ nên không có tiền trả cho anh B, anh B đã giữ chiếc xe Vision để trừ vào tiền gốc và lãi. Việc anh T vay tiền thì chị H không biết, biên nhận ghi ngày 12/12/2016 số tiền 210.000.000 đồng trong đó có số tiền gốc 200.000.000 đồng và tiền lãi 10.000.000 đồng, anh B đã ghi thành số tiền gốc 210.000.000 đồng. Anh T đồng ý trả cho anh B số tiền nợ gốc là 210.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của nhà nước. Tuy nhiên, anh B không yêu cầu anh T trả nợ nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về ý kiến của đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Lãnh: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của anh B, chấp nhận yêu cầu của ông Ch yêu cầu tuyên bố giao dịch dân sự vô hiệu là Giấy bảo đảm lập ngày 12/12/2016 giữa ông Ch, anh B và anh T là vô hiệu là phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu án phí và nguyên đơn phải chịu án phí đối với yêu cầu của bị đơn được chấp nhận theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và khoản 3 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị đơn không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; điểm d khoản 2 Điều 227 và khoản 2 Điều 229 của Bộ luật tố tụng Dân sự

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 122, Điều 132; Điều 137; Điều 361 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

Căn cứ khoản 3 Điều 26 và khoản 3 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hà Văn B yêu cầu ông Nguyễn Văn Ch trả số tiền gốc và lãi là 356.000.000 đồng.

Chấp nhận yêu cầu của bị đơn Nguyễn Văn Ch yêu cầu tuyên bố giao dịch dân sự vô hiệu là Giấy bảo đảm lập ngày 12/12/2016 là vô hiệu.

Giấy bảo đảm lập ngày 12/12/2016 giữa ông Nguyễn Văn Ch, anh Trần Quang T và anh Hà Văn B là vô hiệu.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Hà Văn B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 17.815.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh B đã nộp là 7.437.000 đồng theo biên lai tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0005036 ngày 12/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, anh B phải nộp thêm số tiền là 10.378.000 đồng.

Ông Nguyễn Văn Ch không phải chịu án phí, ông Nguyễn Văn Ch được nhận tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0004703 ngày 18/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 - Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự

nguyên thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 - Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Chi cục THADS TPCL;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Thị Huế